

BẢNG ĐIỂM

Lớp : Tài chính - Ngân hàng 3 - K13

Môn thi: **Pháp luật đại cương**

Lần thi: **1**

Giám thị 1: N.T. Phương Ký tên: Nguyễn Thị Phương

Học kỳ: **2** Năm học: **2011 - 2012**

Ngày thi: 04/06/12 Giám thị 2: H.T. Nga Ký tên: Nguyễn Thị Nga

Cán bộ giảng dạy: _____

Phòng thi: A19 + A10 Giám thị 3: Thanh Tâm Ký tên: Nguyễn Thanh Tâm

Tổng số bài: 57 (M.9) 53 (M.10)

Số tờ: 57 (M.9) + Giám thị 4: Phùng Uyên Ký tên: Phùng Uyên

Bảo Ngân

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
1 ✓	1110140130	Huang Kim	Mẫn	14/10/1993	<u>Kim</u>	<u>5</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>
2	1110140231	Trần Thanh	By	22/11/1992	<u>Thanh</u>	<u>5</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>
3	1110140232	Tô Chí	Cường	24/08/1993	<u>Cuong</u>	<u>5</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>
4	1110140233	Đinh Lê	Hùng	01/02/1992	<u>Huy</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>5,5</u>	<u>Năm rưỡi</u>
5	1110140234	Nguyễn Tấn	Lộc	16/01/1993	<u>Tan</u>	<u>6</u>	<u>6</u>	<u>6</u>	<u>Sau</u>
6	1110140235	Võ Thị Bích	Phượng	06/05/1993	<u>Bich</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>
7	1110140236	Trần Thị Hoài	Phượng	10/07/1993	<u>Hoi</u>	<u>5</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>
8	1110140237	Nguyễn Ngọc Thanh	Thanh	12/08/1992	<u>Thanh</u>	<u>5</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>
9	1110140238	Nhan Minh Thu	Thanh	16/04/1993	<u>Minh</u>	<u>6</u>	<u>9</u>	<u>8</u>	<u>Tam</u>
10	1110140239	Mai Xuân Hoàng	Thái	01/11/1992	<u>Xuan</u>	<u>5</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>
11	1110140240	Lê Phương	Thảo	11/05/1993	<u>Phuong</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>5,5</u>	<u>Năm rưỡi</u>
12	1110140241	Hà Thu	Thảo	08/01/1993	<u>Thu</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>5,5</u>	<u>Năm rưỡi</u>
13	1110140242	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/01/1993	<u>Thanh</u>	<u>5</u>	<u>8</u>	<u>7</u>	<u>Bai</u>
14	1110140243	Đỗ Thu	Thảo	09/11/1993	<u>Thu</u>	<u>6</u>	<u>8</u>	<u>7,5</u>	<u>Bai rưỡi</u>
15	1110140244	Nguyễn Trần Ngọc	Thảo	19/09/1993	<u>Ngoc</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>
16	1110140245	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	14/08/1993	<u>Thanh</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>
17	1110140246	Nguyễn Thị Phượng	Thảo	30/11/1993	<u>Phuong</u>	<u>6</u>	<u>8</u>	<u>7,5</u>	<u>Bai rưỡi</u>
18	1110140247	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	19/03/1993	<u>Thanh</u>	<u>6</u>	<u>4</u>	<u>4,5</u>	<u>Bai rưỡi</u>
19	1110140248	Mai Lê Phương	Thảo	09/09/1993	<u>Phuong</u>	<u>5</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>
20	1110140249	Lê Thị Hiếu	Thảo	05/11/1993	<u>Hieu</u>	<u>5</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>
21	1110140250	Hoàng Lê Phương	Thảo	26/01/1993	<u>Phuong</u>	<u>6</u>	<u>6</u>	<u>6</u>	<u>Sau</u>
22	1110140251	Lý Lộc	Thiên	05/09/1993	<u>Loc</u>	<u>5</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>
23	1110140252	Lê Đức	Thiện	02/08/1993	<u>Duc</u>	<u>5</u>	<u>8</u>	<u>7</u>	<u>Bai</u>
24	1110140253	Nguyễn Đức	Thiên	26/02/1993	<u>Duc</u>	<u>5</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>
25	1110140254	Trần Phước	Thiện	25/02/1993	<u>Phuoc</u>	<u>5</u>	<u>7</u>	<u>6,5</u>	<u>Sau rưỡi</u>

Seal

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
26	1110140255	Nguyễn Ngọc	Thiện	02/12/1993	<i>[Signature]</i>	5	5	5	Năm
27	1110140256	Nguyễn Văn	Thiệu	21/10/1992	<i>[Signature]</i>	5	5	5	Năm
28	1110140257	Nguyễn Thị Mỹ	Thơ	12/05/1993	<i>[Signature]</i>	5	5	5	Năm
29	1110140258	Chế Thị Anh	Thư	19/06/1993	<i>[Signature]</i>	5	5	5	Năm
30	1110140259	Võ Thị Anh	Thư	10/05/1993	<i>[Signature]</i>	6	6	6	Sau
31	1110140260	Nguyễn Vũ Anh	Thư	26/04/1993	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
32	1110140261	Đoạn Thị Thiên	Thư	15/01/1993	<i>[Signature]</i>	5	5	5	Năm
33	1110140262	Lê Thị Hồng	Thoa	20/05/1993	<i>[Signature]</i>	6	7	6,5	Sau rưỡi
34	1110140263	Huỳnh Thị Viễn	Thông	09/07/1993	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
35	1110140264	Đồng Minh	Thông	02/05/1993	<i>[Signature]</i>	5	5	5	Năm
36	1110140265	Nguyễn Quốc	Thông	02/08/1993	<i>[Signature]</i>	5	7	6,5	Sau rưỡi
37	1110140266	Võ Trường	Thịnh	03/12/1993	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
38	1110140267	Đinh Phước	Thịnh	11/08/1993	<i>[Signature]</i>	5	7	6,5	Sau rưỡi
39	1110140268	Huỳnh Thị Ngọc	Thương	20/08/1993	<i>[Signature]</i>	6	7	6,5	Sau rưỡi
40	1110140269	Trương Hoài	Thương	02/04/1993	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
41	1110140270	Nguyễn Lê Kim	Thùy	15/01/1993	<i>[Signature]</i>	6	7	6,5	Sau rưỡi
42	1110140271	Hoàng Thị	Thùy	12/11/1993	<i>[Signature]</i>	6	7	6,5	Sau rưỡi
43	1110140272	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	11/12/1993	<i>[Signature]</i>	6	7	6,5	Sau rưỡi
44	1110140273	Huỳnh Thanh	Thùy	20/08/1993	<i>[Signature]</i>	6	6	6	Sau
45	1110140274	Phạm Thị Thanh	Thúy	20/11/1993	<i>[Signature]</i>	6	7	6,5	Sau rưỡi
46	1110140275	Nguyễn Thị	Thủy	20/11/1993	<i>[Signature]</i>	6	8	7,5	Bảy rưỡi
47✓	1110140276	Lê Thanh	Thủy	22/01/1993	<i>[Signature]</i>	1	1	1	1
48	1110140277	Trần Thị Thu	Thủy	12/06/1993	<i>[Signature]</i>	6	6	6	Sau
49	1110140278	Đinh Thị Bích	Thủy	09/08/1993	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
50	1110140279	Nguyễn Minh	Tiến	01/12/1993	<i>[Signature]</i>	5	5	5	Năm
51	1110140280	Lê Phước	Tiến	06/04/1993	<i>[Signature]</i>	6	6	6	Sau
52	1110140281	Bùi Nguyễn Thị Thủy	Tiên	23/08/1992	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
53	1110140282	Nguyễn Viết	Tiến	27/07/1991	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
54	1110140283	Lê Sĩ	Tín	04/01/1993	<i>[Signature]</i>	6	5	5,5	Năm rưỡi
55	1110140284	Nguyễn Hữu	Tình	20/08/1993	<i>[Signature]</i>	5	7	6,5	Sau rưỡi
56	1110140285	Nguyễn Phước Bảo	Toàn	26/01/1993	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
57	1110140286	Nguyễn Như	Toàn	17/03/1992	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
58	1110140287	Vũ Nguyễn Ngọc	Trâm	24/03/1993	<i>[Signature]</i>	5	7	6,5	Sau rưỡi
59	1110140288	Nguyễn Ngọc	Trâm	23/04/1993	<i>[Signature]</i>	6	7	6,5	Sau rưỡi
60✓	1110140289	Đặng Vũ Mỹ	Trân	19/08/1993	<i>[Signature]</i>	1	1	1	1

Secret

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
61	1110140290	Châu Thị Huyền	Trần	21/11/1993		6	7	6,5	Sau rưỡi
62	1110140291	Hồ Thị Minh	Trang	02/07/1993		7	7	7	Ba
63	1110140292	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	07/07/1992		/	3	2	Hai
64	1110140293	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/09/1993					
65	1110140294	Trần Ngọc	Trang	17/10/1993		6	7	6,5	Sau rưỡi
66	1110140295	Trần Thị	Trang	25/06/1993		6	7	6,5	Sau rưỡi
67	1110140296	Phùng Thị Thùy	Trang	11/12/1993					
68	1110140297	Hoàng Vũ Thiên	Trang	23/03/1993		5	4	4,5	Ba rưỡi
69	1110140298	Đỗ Thị Ngọc	Trang	19/11/1993		5	7	6,5	Sau rưỡi
70	1110140299	Cao Thị Thùy	Trang	01/11/1993		5	5	5	Năm
71	1110140300	Huỳnh Thị Bích	Trang	10/11/1989		6	6	6	Sau
72	1110140301	Phan Thị Hoàng	Trang	04/04/1993		6	8	7,5	Ba rưỡi
73	1110140302	Nguyễn Thị Thanh	Trà	27/05/1993		5	6	5,5	Năm rưỡi
74	1110140303	Phan Minh	Trí	29/06/1993		6	6	6	Sau
75	1110140304	Trần Minh	Trí	19/07/1992		5	5	5	Năm
76	1110140305	Đỗ Võ Kim	Trinh	17/09/1993		6	8	7,5	Ba rưỡi
77	1110140306	Đặng Thị Mỹ	Trinh	16/05/1993		6	6	6	Sau
78	1110140307	Đỗ Thị Tuyết	Trinh	26/08/1993		5	3	3,5	Ba rưỡi
79	1110140308	Nguyễn Thị Huyền	Trinh	06/01/1993		6	5	5,5	Năm rưỡi
80	1110140309	Mã Đức	Trinh	04/10/1993		5	6	5,5	Năm rưỡi
81	1110140310	Nguyễn Hữu Mộng	Trinh	03/03/1993		6	7	6,5	Sau rưỡi
82	1110140311	Diệp Hoài	Trinh	03/02/1993		5	6	5,5	Năm rưỡi
83	1110140312	Nguyễn Hữu	Trực	02/05/1992		5	7	6,5	Sau rưỡi
84	1110140313	Phạm Khắc	Trung	22/09/1993		5	7	6,5	Sau rưỡi
85	1110140314	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	19/02/1993		6	6	6	Sau
86	1110140315	Nguyễn Thị Cẩm	Trúc	24/02/1993		5	7	6,5	Sau rưỡi
87	1110140316	Nguyễn Võ Thanh	Trúc	04/09/1993		5	5	5	Năm
88	1110140317	Phạm Hoàng	Tuấn	09/10/1992		6	3	4	Ba
89	1110140318	Trương Minh	Tuấn	24/12/1993		5	5	5	Năm
90	1110140319	Lê Thanh	Tùng	28/01/1993		5	6	5,5	Năm rưỡi
91	1110140320	Nguyễn Thanh	Tùng	30/07/1993		5	7	6,5	Sau rưỡi
92	1110140321	Nguyễn Thanh	Tùng	10/09/1993		5	5	5	Năm
93	1110140322	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	16/12/1992		5	3	3,5	Ba rưỡi
94	1110140323	Trương Thị Thanh	Tuyền	27/10/1992		5	5	5	Năm
95	1110140324	Nguyễn Anh	Tuyền	15/04/1992		5	5	5	Năm

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
96	1110140325	Nguyễn Xuân	Tuyển	04/04/1993	<i>[Signature]</i>	6	5	5,5	Năm rưỡi
97	1110140326	Nguyễn Văn	Tuyển	24/10/1993	<i>[Signature]</i>	5		1,5	Mất rưỡi
98	1110140327	Nguyễn Thị Hồng	Tuyệt	03/09/1993	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
99	1110140328	Phan Đăng Hoàng	Uyên	18/07/1993	<i>[Signature]</i>	6	6	6	Sau
100	1110140329	Hồ Thị Khánh	Uyên	29/07/1993	<i>[Signature]</i>	6	6	6	Sau
101	1110140330	Trần Thị	Vân	07/07/1993	<i>[Signature]</i>	6	6	6	Sau
102	1110140331	Lại Ngọc Thụy	Vi	19/04/1993	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
103	1110140332	Trương Thị Hồng	Viên	24/04/1993	<i>[Signature]</i>	6	7	6,5	Sau rưỡi
104	1110140333	Lý Trung	Vinh	09/04/1993	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
105	1110140334	Bùi Quang	Vinh	28/08/1993	<i>[Signature]</i>	5	5	5	Năm
106	1110140335	Nguyễn Quỳnh	Vương	15/08/1993	<i>[Signature]</i>	5	5	5	Năm
107	1110140336	Lưu Đức	Vũ	04/12/1992	<i>[Signature]</i>	6	5	5,5	Năm rưỡi
108	1110140337	Nguyễn Anh	Vũ	20/04/1993	<i>[Signature]</i>	6	6	6	Sau
109	1110140338	Bùi Quang	Vũ	25/01/1993					✓
110	1110140339	Nguyễn Huỳnh Thúy	Vy	06/09/1993	<i>[Signature]</i>	5	7	6,5	Sau rưỡi
111	1110140340	Nguyễn Thủy Thanh	Vy	09/12/1993	<i>[Signature]</i>	5	7	6,5	Sau rưỡi
112	1110140341	Hứa Ngọc Thanh	Vy	07/08/1993	<i>[Signature]</i>	5	7	6,5	Sau rưỡi
113	1110140342	Võ Thị Kiều	Vy	18/05/1993	<i>[Signature]</i>	6	6	6	Sau
114	1110140343	Nguyễn Thị Thúy	Vy	18/08/1993	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
115	1110140344	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	27/03/1993	<i>[Signature]</i>	5	5	5	Năm
116	1110140345	Phạm Thị Như	Yến	07/10/1992	<i>[Signature]</i>	5	6	5,5	Năm rưỡi
117	1110140346	Lê Thị Mỹ	Yên	18/02/1993	<i>[Signature]</i>	6	8	7,5	Bảy rưỡi

Ngày . 15 . tháng . 5 . năm 2012